

Bản án số: 23/2024/KDTM-ST

Ngày: 09/8/2024

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-KDTM ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H

Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn K – Giám đốc H, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (Theo Quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/05/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H). Ông Vũ Văn K ủy quyền lại cho:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1997. Chuyên viên QHKHCN

2. Ông Hà Mạnh T2, sinh năm 1991. Chuyên viên QHKHCN.
Cùng địa chỉ liên lạc: 260 L, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
(Theo Giấy ủy quyền số 010/2023/QĐ-HĐTD.151 ngày 03/10/2023)

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976;
2. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1979;
Cùng địa chỉ: Tổ A (tổ D cũ) khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T2, bà T1 có mặt; bà L có đơn xin vắng mặt, ông T3 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hà Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:*

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H (gọi tắt là Ngân hàng H1) có ký kết hợp đồng tín dụng với bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3, như sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35936/22MN/HĐTD ngày 19/09/2022, Ngân hàng H1 đã giải ngân cho bà L, ông T3 vay số tiền 750.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 35936/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 26/09/2022; Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cửa sắt; Thời hạn vay là 12 tháng; Lãi suất vay là 11,5%/năm.

Đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán (TAIKHOAN_THE) số 911310253115 ngày 19/9/2022; Loại thẻ Mastercard; Ngân hàng H1 đã giải ngân cho bà L vay số tiền 30.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng.

Quá trình thực hiện, bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng HD theo nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong 12 tháng thực hiện hợp đồng, bà L và ông T3 chỉ thanh toán 05 tháng tiền lãi. Cụ thể: Bà L và ông T3 chỉ thanh toán được 39.741.870đ tiền lãi, 126.201đ tiền lãi trả chậm, chưa thanh toán tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 35936/22MN/HĐTD ngày 19/09/2022 và trả được 7.512.028đồng theo TAIKHOAN_THE số 911310253115.

Tạm tính đến ngày 08/8/2024, số tiền mà bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 còn đang nợ Ngân hàng H1 tổng cộng là 981.005.478 đồng, trong đó:

- + Số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng;
- + Số tiền lãi trong hạn: 60.205.388 đồng;
- + Số tiền lãi quá hạn đối với gốc và lãi chậm trả lãi: 137.586.011 đồng;

+ Số tiền nợ theo TAIKHOAN_THE số 911310253115: 33.214.079 đồng;

* Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho toàn bộ số tiền vay trên là:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 784391 ngày 15/3/2019, số vào sổ cấp GCN: CS13063 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T xác nhận cập nhật đứng tên bà Bùi Thị L vào ngày 26/8/2020 (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022). Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ xác nhận ngày 30/9/2020.

Việc bà L, ông T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Nay Ngân hàng H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 có nghĩa vụ phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố H toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tính đến ngày 08/8/2024 là: 981.005.478 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 60.205.388 đồng; Số tiền lãi quá hạn đối với gốc và lãi chậm trả lãi: 137.586.011 đồng; Số tiền nợ theo TAIKHOAN_THE số 911310253115: 33.214.079 đồng.

2. Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng H1 đối với số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 35936/22MN/HĐTD ngày 19/09/2022; Khế ước nhận nợ số 35936/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 26/09/2022 và theo TAIKHOAN_THE số 911310253115 đã ký kết với H, kể từ ngày 09/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp, bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 784391 ngày 15/3/2019, số vào sổ cấp GCN: CS13063 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T xác nhận cập nhật đứng tên bà Bùi Thị L vào ngày 26/8/2020, để thu hồi nợ (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022).

Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H thì bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến hết khoản nợ.

** Theo bản tự khai ngày 25/7/2024 của bị đơn – bà Bùi Thị L trình bày:*

Bà L xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35936/22MN/HĐTD ngày 19/09/2022 để vay của Ngân hàng H1 số tiền 750.000.000đ và khoản vay thế tín dụng 30.000.000đ và ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai) để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đúng như nội dung khởi kiện của bên nguyên đơn đã trình bày. Do kinh tế suy thoái nên bà và ông T3 không đủ khả năng trả nợ, nay Ngân hàng HD khởi kiện, bà L đề nghị Ngân hàng H1 xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng đã ký kết để kết toán nợ.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T3, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn ông T3 không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H là có căn cứ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H đối với bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền là: 981.005.478 đồng (*Chín trăm tám mươi một triệu, không trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng*).

Trong đó: Số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 60.205.388 đồng; Số tiền lãi quá hạn đối với gốc và lãi chậm trả lãi: 137.586.011 đồng; Số tiền nợ theo TAIKHOAN_THE số 911310253115: 33.214.079 đồng.

Kể từ ngày 09/8/2024, bà L và ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 để thu hồi nợ (*Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022*).

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H theo quy định.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, bị đơn bà Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, bị đơn Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3, cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. **Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng H1), về việc yêu bị đơn bà L và ông T3 phải trả khoản tiền vay và lãi suất phát sinh trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Vào ngày 19/9/2022, Ngân hàng H1 ký kết với bà L và ông T3 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35936/22MN/HĐTD và đã giải ngân cho bà L, ông T3 vay số tiền 750.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 35936/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 26/9/2022, thời hạn vay là 12 tháng và giải ngân 30.000.000đ theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán (TAIKHOAN_THE) số 911310253115 ngày **19/9/2022**, thời hạn vay 36 tháng.

Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các bên được ghi trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán (TAIKHOAN_THE) nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, nên phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông T3 chỉ thanh toán được 39.741.870đ tiền lãi, 126.201đ tiền lãi trả chậm, chưa thanh toán tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 35936/22MN/HĐTD ngày 19/09/2022 và trả được 7.512.028đồng theo TAIKHOAN_THE số 911310253115 thì ngưng không tiếp tục trả nợ từ 27/02/2023.

Như vậy, bà L và ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng H1. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét việc khởi kiện đòi nợ của Ngân hàng H1 đối với bà L, ông T3 là có căn cứ.

Tính đến ngày 08/8/2024, bà L và ông T3 còn nợ Ngân hàng H1 tổng số tiền là: 981.005.478 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 60.205.388 đồng; Số tiền lãi quá hạn đối với gốc và lãi chậm trả lãi: 137.586.011 đồng; Số tiền nợ theo TAIKHOAN_THE số 911310253115 là: 33.214.079 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H1 về việc yêu cầu bà L và ông T3 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán, lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận và lãi chậm trả đối với tiền lãi trên nợ gốc trong hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ ngày tiếp theo (ngày 09/8/2024) cho đến khi bà L và ông T3 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay:

Kể từ ngày 09/8/2024, bà L và ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản nợ của bà L và ông T3 nêu trên là quyền sử dụng đất (thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai) đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 784391 ngày 15/3/2019, sổ vào sổ cấp GCN: CS13063 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T xác nhận cập nhật đứng tên bà Bùi Thị L vào ngày 26/8/2020 (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022).

Tài sản thế chấp được này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ xác nhận ngày 30/9/2020 trong Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận hiện trạng thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai không có tài sản gì trên đất.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức, nội dung không trái với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022 có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trường hợp bà L và ông T3 không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với **khoản 7 Điều 323, Điều 299 Bộ luật dân sự 2015**; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022, nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo quy định tại **khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự**. Số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ, do đó buộc bà L và ông T3 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng HD số tiền trên.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải chịu 41.430.164 **đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.**

Hoàn trả Ngân hàng H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.570.932đ (*Mười tám triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*), theo biên lai số 0001634 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; **khoản 1 Điều 157** của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 299, 317, 318, 319, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017**; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; **Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng**;

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H đối với bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

1. Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền là: 981.005.478 đồng (*Chín trăm tám mươi một triệu, không trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng*).

Trong đó: Số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 60.205.388 đồng; Số tiền lãi quá hạn đối với nợ gốc và lãi chậm trả lãi: 137.586.011 đồng; Số tiền nợ theo TAIKHOAN_THE số 911310253115: 33.214.079 đồng.

Kể từ ngày **09/8/2024**, bà L và ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 03, tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 784391 ngày 15/3/2019, sổ vào sổ cấp GCN: CS13063 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện T xác nhận cập nhật đứng tên bà Bùi Thị L vào ngày 26/8/2020 để thu hồi nợ (*Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21703/20MN/HĐBĐ ngày 30/09/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 21703/20MN/HĐBĐ/PL01 ngày 19/9/2022*).

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết nợ thì bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí **kinh doanh thương mại sơ thẩm**: Buộc bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Thanh T3 phải chịu 41.430.164đ (*Bốn mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H 18.570.932đ (*Mười tám triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001634 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);

- - Đương sự (2);
- - Lưu hồ sơ vụ án (1).

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng Vương Thị Khánh Loan

Trần Văn Hùng

